TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**15**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 5 - 2018
V/v "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đẩu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Minh Hòa**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang: *Không tham gia phiên tòa.*

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2018/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị T,** sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp MP, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H,** sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp MP, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Ngô Thị T trình bày: Vào năm 2003, chị và anh H tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với

nhau, có làm lễ cưới và nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hòa thuận và có 02 con chung tên: Nguyễn Anh Th, sinh ngày 11/01/2005 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/8/2008. Nhưng đến năm 2013 thì giữa chị và anh xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau, hiện tại chị và anh H đã sống ly thân nhau đã hơn 4 năm nay. Đến nay tôi cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa chị Ngô Thị T có yêu cầu:

- Về hôn nhân: xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về việc nuôi con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 11/01/2005 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/8/2008, chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2018 và trong biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, anh H xác nhận đúng như chị T trình bày và anh H có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị T.

- Về việc nuôi con chung: Anh đồng ý giao 02 người con chung tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 11/01/2005 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/8/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Ngô Thị T yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn H. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*".

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập, tống đạt xét xử hợp lệ tuy nhiên do bận nhiều công việc nên anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị T cũng thống nhất việc xét xử vắng mặt bị đơn anh H theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H.

[4] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Ngô Thị T cho rằng vào năm 2003, chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới và nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (có xác nhận của chính quyền địa phương). Trong quá trình chung sống thì hai bên đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị T xin ly hôn với anh H, còn về tài sản chung thì hai bên đã tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có làm lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 01 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 01 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó HĐXX cần xử không công nhận mối quan hệ giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[5] - Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ kiện thì chị T và anh Hợi đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 11/01/2005 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/8/2008, hiện tại 02 cháu đang sống chung vớ chị T. Chị T yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; anh H cũng đồng ý giao 02 cháu Th và K cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng nuôi con. Bên cạnh đó, nguyện vọng của 02 cháu Th và K cũng muốn sống chung với mẹ để được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng (theo biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Anh Th và Nguyễn Duy K ngày 05/5/2018). Nên Hội đồng xét xử xét thấy để không làm thay đổi môi trường sống của các cháu và hơn nữa 02 cháu Th và K cũng đã sống chung với chị T từ khi chị T và anh H sống ly thân với nhau đã hơn 04 năm nay. Do đó, xét thấy cần giao 02 cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 11/01/2005 và cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/8/2008 cho chị Ngô Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Th và cháu K; Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, anh H có quyền thăm nom, chăm sóc 02 cháu Th và K mà không ai có quyền cản trở.

[6] - Về tài sản chung: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn H xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét

[7] - Về nợ chung: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn H đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Ngô

Thị T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003626 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 01 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[2] - Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 11/01/2005 và Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/8/2008 cho chị Ngô Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, anh H có quyền thăm nom, chăm sóc 02 cháu Th và K mà không ai có quyền cản trở.

[3] - Về tài sản chung: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn H xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét

[4] - Về nợ chung: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn H đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Ngô Thị T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003626 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

[6] - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyệnChâu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Tấn Đẩu